

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Quang Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Nữ Hảo Tâm và ông Dương Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Võ Văn Bảng, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế
- A T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXX-ST ngày 15/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Bích C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Hữu T (TIN HUU PHAM), sinh năm 1964. Địa chỉ: 427 CENTRE, ST APT1 BROCKTON, MA 02302, USA (Hoa Kỳ), có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Bích C cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà C và ông Phạm Hữu T quen nhau từ năm 2010 do người thân giới thiệu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh T vào ngày 28 tháng 5 năm 2012. Sau kết hôn hai vợ chồng sống chung được một tháng thì ông T trở về Hoa Kỳ. Hai vợ chồng có một con chung là cháu Phạm Thanh H sinh ngày 04/3/2015. Sau đó thỉnh thoảng một hoặc hai năm ông T có về Việt Nam để thăm vợ con. Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay thì ông T không về Việt Nam. Do vợ chồng sống xa nhau, tính cách không hợp nhau, tình cảm nhạt dần nên bà C xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà C khai có 01 con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 04/3/2015. Bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi cháu Phạm Thanh H đến 18 tuổi mà không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Bà C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C đề nghị không tiến hành hòa giải.

Theo đơn của ông T đề ngày 24/4/2022 gửi về từ Hoa Kỳ, ông T trình bày về việc ly hôn giữa bà C như sau:

Ông T đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông T trình bày có 01 con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 04/3/2015. Ông T đồng ý để bà C chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H. Về việc cấp dưỡng cho cháu H thì bà C không yêu cầu ông cấp dưỡng, nên ông T không có ý kiến gì.

Về tài sản chung và nợ chung, ông T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do ông T đang ở Hoa Kỳ và do tình hình dịch bệnh nên ông T không có điều kiện về Việt Nam, ông T xin Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án, tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Đỗ Thị Bích C được ly hôn với ông Phạm Hữu T. Giao cháu Phạm Thanh H cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành mà ông T không phải cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm Hữu T (TIN HUU PHAM) có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp tại Ủy ban nhân dân tỉnh T vào ngày 28 tháng 5 năm 2012. Sau kết hôn, hai người sống chung với nhau trong thời gian ngắn thì ông T trở về Hoa Kỳ cho đến nay. Do vợ chồng ở xa nhau, không có điều kiện quan tâm chăm sóc nhau, ít liên lạc nên tình cảm phai nhạt dần, tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, bà C xin Tòa án cho ly hôn với ông T và ông T cũng đồng ý.

Xét tình cảm vợ chồng giữa bà C và ông T không còn, điều kiện để hai bên đoàn tụ, thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là không thể thực hiện được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho bà C được ly hôn với ông T là phù hợp với pháp luật.

- Về con chung: Bà C và ông T đều xác nhận có 01 con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 04/3/2015, hiện đang sống với bà C. Bà C có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H mà không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Ông T cũng đồng ý để bà C nuôi dưỡng cháu H. Do đó, cần chấp nhận nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H của bà C, ông T không phải cấp dưỡng, do bà C không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông T đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm, bà C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đỗ Thị Bích C được ly hôn với ông Phạm Hữu T (TIN HUU PHAM).

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh H cho bà Đỗ Thị Bích C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Phạm Hữu T (TIN HUU PHAM) không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Bích C và ông Phạm Hữu T (TIN HUU PHAM) cùng xác định không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Bích C phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu tiền số: AA/2021/0000075 ngày 29/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế), bà C không phải nộp thêm.

Bản án này là sơ thẩm, bà Đỗ Thị Bích C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Hữu T (TIN HUU PHAM) đang ở nước ngoài có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Quang Bình